

V/v tranh chấp ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

Tại phiên tòa hôm nay: Bà D xác định 02 người kết hôn khoảng 19 năm nay. Đến năm 2015 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trước khi ly thân năm 2016, gia đình 02 bên tiến hành hòa giải nhưng không đạt kết quả

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là ông S được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng D sự, xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Bà D và ông S có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên được công nhận là vợ chồng. Tuy ông S không có ý kiến, nhưng qua tài liệu do phía bà D cung cấp, thể hiện giữa hai người sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa hai người có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà D được ly hôn với ông S.

[3] Các đương sự có 02 người con chung tên Mai Thanh M (giới tính: Nữ), sinh ngày 18/5/1997 và Mai Thị Phương A (giới tính: Nữ), sinh ngày 06/02/2007. Người con tên M đã trưởng thành và ở riêng. Người con tên Phương A do bà D nuôi dạy. Ông S không có ý kiến gì khác, trong khi cháu Phương A có nguyện vọng được sống với mẹ, nên chấp nhận yêu cầu của bà D được tiếp tục nuôi con chung. Bà D không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4] Ông S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[5] Các đương sự tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung.

[6] Bà D là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Tại phiên tòa: Bà D có mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án; ông S vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 228; Điều 147 của Bộ luật tố tụng D sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt ông Mai Văn S.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị D được ly hôn đối với ông Mai Văn S.

3. Bà D được quyền tiếp tục nuôi dạy người con chung tên Mai Thị Phương A (giới tính: Nữ), sinh ngày 06/02/2007.

4. Ông S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

5. Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Phần bà D nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005890 ngày 14/01/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành được khấu trừ.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TAnd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Trí Phải;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế